

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS - PT

Ngày 11 - 02 - 2020

V/v “*Buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền
do không thực hiện được công việc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Trương Quyết Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền do không thực hiện được công việc*” do bản án dân sự số 26/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị đơn bà Phan Hồng P kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐ-PT ngày 27/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 13/01/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị M

Địa chỉ: Tổ 50, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Lê Thanh Hải - Địa chỉ: Tổ 42, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Hồng P

Địa chỉ: Số 070, đường Điện Biên, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phan Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2015 bà Vũ Thị M cùng 16 hộ gia đình khác có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tách thửa từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư nên đã nhờ bà Phan Hồng P làm thủ tục này. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến cuối năm 2017, bà Vũ Thị M có đưa cho bà Phan Hồng P tổng số tiền là: 940.000.000 đồng, gồm tiền của bà M và tiền bà M nhận của một số hộ gia đình khác, cụ thể: Bà Hoàng Thị B đưa 480.000.000 đồng, bà Phạm Thị O đưa 200.000.000 đồng, còn lại là tiền của bà Vũ Thị H, bà Mai Văn Đ; bà Vũ Thị H1; ông Bùi Công T; bà Nguyễn Thị T; bà Vũ Hiền A... Mục đích bà M đưa tiền cho bà P là để bà P làm dịch vụ tách thửa và chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình trên, bao gồm: 12 thửa tách tại tổ 21 và 03 thửa tách tại tổ 27, phường Bắc Cường, thành phố L. Việc thỏa thuận giữa bà M và bà P có lập văn bản thỏa thuận. Quá trình thực hiện thỏa thuận, bà P không thực hiện được như đã cam kết. Vì vậy bà M đã phải lấy tiền của bà M hoàn trả lại tiền cho các hộ dân mà bà M đã nhận để đưa cho bà P. Riêng đối với số tiền 200.000.000 đồng của bà O và 480.000.000 đồng của bà B, bà P đã làm việc riêng với bà O và bà B và bà P đã viết giấy nhận nợ với bà O và bà B. Vì vậy, đến nay bà P hiện đang cầm của bà M số tiền 260.000.000 đồng. Bà M đã nhiều lần yêu cầu bà P hoàn trả lại số tiền trên cho bà M, nhưng bà P không trả. Vì vậy bà M yêu cầu bà P phải trả lại số tiền là 260.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phan Hồng P trình bày:

Khoảng từ năm 2015 đến cuối năm 2017, bà P đã nhận số tiền 940.000.000 đồng từ bà M. Mục đích bà M đưa tiền cho bà P đúng như bà M đã trình bày. Quá trình thực hiện thỏa thuận, bà P mới tách được 03 thửa đất của hộ bà Hoàng Thị B tại tổ 27, B. Còn các thửa khác theo thỏa thuận không thực hiện được là do lỗi của các hộ dân theo công văn của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai đề tháng 11 năm 2017.

Đối với số tiền của 200.000.000 đồng của bà O thì bà P đã nhận nợ lại. Do bà M không thực hiện được thỏa thuận với bà B, nên bà B đã đòi lại số tiền 480.000.000 đồng nhưng bà M không có tiền trả, nên bà B đã làm việc với Phúc để thực hiện một dịch vụ khác. Do vậy, hiện nay bà P còn đang cầm giữ số tiền của bà M là 260.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà P không đồng ý trả lại cho bà M số tiền này, vì bà P đã làm thủ tục tách 03 thửa đất cho bà B và đã chi phí trong việc thuê đơn vị đo đạc thửa đất trên. Bà P sẽ trả lại số tiền này cho bà M nếu bà M đồng ý thanh toán: Tiền chi phí xăng xe đi lại và chi phí tiền đo đạc diện tích đất, tính trung bình là: 5 triệu đồng /01 thửa x 12 thửa = 60 triệu đồng và tiền công đã làm xong thủ tục tách được 03 thửa với số tiền là: 120 triệu đồng (40 triệu đồng/01 thửa tách).

Bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 274, Điều 276, Điều 281, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc Bà Phan Hồng P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Vũ Thị M số tiền 260.000.000VND (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31/10/2019, bị đơn bà Phan Hồng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của TAND thành phố L, đề nghị TAND tỉnh Lào Cai hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xác định giao dịch dân sự về dịch vụ tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất vườn cho các hộ dân tổ 21 phường Bắc Cường sang đất thổ cư giữa bà Phan Hồng P và bà Vũ Thị M xác lập năm 2016 đúng pháp luật là sai. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, buộc bà Phan Hồng P phải trả lại cho bà Vũ Thị M 260.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Hồng P có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét tính hợp pháp về thỏa thuận thực hiện công việc giữa bà Vũ Thị M với bà Phan Hồng P.

Căn cứ văn bản thỏa thuận (BL 69) không ghi ngày thì hai bên thỏa thuận về dịch vụ tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất vườn cho các hộ dân tổ 21 phường Bắc Cường sang đất thổ cư cụ thể như sau: “Bà Vũ Thị M giao cho bà Phan Hồng P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Ngô Gia T, chuyển đổi 1200m² đất thành 10 xuất, 01 GCNQSDĐ mang tên hộ ông Hoàng Văn T (3 suất), 01 GCNQSDĐ mang tên Phạm Công T 1300m². Trình tự hai bên sẽ làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ cho Công ty TNHH sản xuất nấm H để Công ty làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng, sau khi đã chuyển mục đích sử dụng sang đất thổ cư xong Công ty có trách nhiệm làm thủ tục tách ra thành từng thửa có diện tích 120m²/01 thửa và làm hợp đồng chuyển nhượng lại cho từng hộ dân... tiền phí dịch vụ là 50.000.000đ/120m² đối với các hộ ở Bắc Cường, riêng thửa đất của bà M 1300m² là 130.000.000đ...bà M đã giao cho bà P 700.000.000đ. thời hạn thực hiện hợp đồng là 3 tháng (Hết tháng 9/2016). Hết thời hạn bà P không hoàn thành thì phải trả lại gấp đôi số tiền đã nhận”. Xét thấy thỏa thuận trên của các bên được xác lập vào năm 2016 là vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 128 của Bộ luật Dân sự năm 2005 bởi lẽ:

- Bà Vũ Thị M và một số hộ dân (theo thỏa thuận trên) là người được nhà nước cấp GCNQSD đất vườn, bà M và các hộ muốn chuyển đổi đất vườn thành đất thổ cư nhưng không đủ điều kiện để được chuyển đổi đất vườn sang thành đất thổ cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhưng bà Vũ Thị M vẫn đứng ra thuê bà Phan Hồng P thực hiện các thủ tục để được chuyển đổi đất vườn sang thành đất thổ cư là trái pháp luật.

- Về trình tự thực hiện việc chuyển đổi: Bà Phan Hồng P thỏa thuận với bà Vũ Thị M là phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vườn của các hộ gia đình cho Công ty sản xuất Nấm H, sau khi công ty chuyển đổi mục đích từ đất vườn thành đất thổ cư thì Công ty sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng lại cho bà M, việc thỏa thuận giao kết các hợp đồng chuyển nhượng này đều giả tạo nhằm che giấu giao dịch thật là chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn của các hộ gia đình thành đất thổ cư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bà P ký thỏa thuận với tư cách cá nhân nhưng lại thỏa thuận liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Công ty sản xuất Nấm H là trái pháp luật.

- Công ty sản xuất Nấm H không có chức năng kinh doanh bất động sản nên việc thỏa thuận để công ty làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng sang đất thổ cư, sau đó tách thửa chuyển nhượng lại cho các hộ dân là trái pháp luật.

Từ những phân tích trên thấy rằng bản án sơ thẩm đã xác định thỏa thuận thực hiện công việc giữa bà M và bà P là phù hợp, không bị pháp luật cấm, dựa trên sự tự nguyện giữa hai bên có hiệu lực pháp luật là không đúng, vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu được giải quyết như sau:

Quá trình giải quyết vụ án bà Phan Hồng P đều thừa nhận bà Vũ Thị M có đưa cho bà Phan Hồng P tổng số tiền là: 940.000.000 đồng, gồm tiền của bà M 260.000.000đồng và tiền bà Hoàng Thị B đưa 480.000.000 đồng, bà Phạm Thị

O đưa 200.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền 200.000.000 đồng của bà O và 480.000.000 đồng của bà B, bà P đã làm việc riêng với bà O và bà B và bà P đã viết giấy nhận nợ với bà O và bà B. Vì vậy, đến nay bà P hiện đang cầm của bà M số tiền 260.000.000 đồng nên cần buộc bà P phải trả lại toàn bộ số tiền đã nhận cho mà Mơ theo quy định tại khoản 1,2 Điều 137 của Bộ luật Dân sự 2005.

Về thiệt hại: Quá trình giải quyết vụ án bà Phan Hồng P cho rằng bà đã chi phí thuê thẩm định đất nhưng bà P không đưa ra được các chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phan Hồng P:

[4.1] Bà Phan Hồng P cho rằng vụ kiện là tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Như đã phân tích ở phần [2] thì nội dung kháng cáo này của bà P là có căn cứ được chấp nhận.

[4.2] Bà Phan Hồng P cho rằng quá trình thực hiện dịch vụ bà P đã thực hiện được một phần công việc theo thỏa thuận, có việc do lý do khách quan, lỗi của người sử dụng đất nên bà P không thể hoàn thành công việc, cụ thể việc tách thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Ngô Gia T không thực hiện được do các hộ mua đất của ông Thế đã làm nhà và các công trình trên đất nông nghiệp khi chưa làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất và có văn bản xử lý, vì vậy Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai không thực hiện việc tách thửa cho hộ ông Ngô Gia T để trừ đi một phần tiền mà bà M đã đưa cho bà P. Như trên đã phân tích do giao dịch dân sự giữa bà P và bà M vô hiệu nên không phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm các bên giao kết, việc các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty sản xuất Nấm H là giả tạo nên việc thẩm định đất để chuyển quyền sử dụng đất là không có giá trị, mọi công việc mà bà Phan Hồng P đã làm theo thỏa thuận đều không hợp pháp nên không được chấp nhận.

[4.3] Xét nội dung kháng cáo cho rằng khi giải quyết vụ án bà P đã yêu cầu Tòa án buộc bà M phải bồi thường thiệt hại về danh dự cho bà P. Xét thấy, tại bản tự khai (BL 43) bà Phan Hồng P chỉ đề nghị Tòa án xem xét nếu có đủ căn cứ thì phải được xử lý đích đáng theo quy định của pháp luật hình sự. Như vậy bà P không yêu cầu bà M phải bồi thường thiệt hại về danh dự nên bản án sơ thẩm không xem xét là đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Phan Hồng P không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Hồng P sửa bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ vào Điều 128, khoản 1, 2 Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận về dịch vụ tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất vườn cho các hộ dân tổ 21 phường B sang đất thổ cư giữa bà Phan Hồng P và bà Vũ Thị M xác lập năm 2016 vô hiệu. Buộc bà Phan Hồng P phải trả lại cho bà Vũ Thị M 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Phan Hồng P phải chịu 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Phan Hồng P đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0006437 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp. Bà Phan Hồng P còn phải nộp 12.700.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Vũ Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0006026 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa